TÒA ÁNNHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 25/9/2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-DS, ngày 20/9/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1962 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn H, xã Q, huyện B, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh H vào năm 1980 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T tại thôn H, xã Q, huyện B, tỉnh H để sinh sống. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm

sống, anh T có nghi ngờ chị không chung thủy có quan hệ ngoại tình dẫn đến hai anh chị xẩy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình, thôn hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2014 đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau việc ai người đấy làm. Chị P nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 4 con chung, cháu Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982; cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; cháu Nguyễn Văn B, sinh năm 1984 và cháu Nguyễn Văn B1, sinh năm 1987. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh T có ý kiến bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của chị P và gửi văn bản cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo về cho Tòa án, Tòa án triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Trung T nhiều lần nhưng anh Nguyễn Trung T cố tình trốn tránh không đến Tòa án, không đến UBND xã để lấy lời khai và hòa giải. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 8/8/2018, ngày 29/8/2018 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với anh Nguyễn Văn H là con đẻ của anh Nguyễn Trung T; ông Triệu Minh N là Bí thư chi bộ thôn H, xã Q; ông Nguyễn Trường L là đại diện UBND xã Q nơi chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Trung T sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Trung T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh H vào năm 1980 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn chị Pvề nhà anh T tại thôn H, xã Q, huyện B, tỉnh H để sinh sống. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2013, mâu thuẫn bắt đầu phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T nghi ngờ chị P không chung thủy, có quan hệ ngoại tình dẫn đến hai anh chị xẩy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình, thôn hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân được 3 đến 4 năm nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau việc ai người đấy làm. Quá trình chung sống, anh chị có 4 con chung, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng; về tài sản chung, anh chị tạo lập được một số tài sản chung không lớn.

Tại phiên toà hôm nay, Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh T; về con chung và tài sản chung, chị Pkhông yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Trung T; về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện "Ly hôn" với bị đơn là anh Nguyễn Trung T, anh Nguyễn Trung T cư trú tại thôn H, xã Q, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Nguyễn Trung T vắng mặt tại phiên toà không có lý do; nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trung T, chị Nguyễn Thị P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Trung T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T nghi ngờ chị P không chung thủy có quan hệ ngoại tình dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra thường xuyên, trong thời gian dài đã được hai bên gia đình, thôn hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Vì vậy đến đầu năm 2014 anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh T không có mặt để Tòa án lấy lời khai và hòa giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Trung T.

[2.2] Về việc nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về chia tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Trung T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000550, ngày 18/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng